

Số: 100/TB-ĐHSPKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO

Tuyển sinh Đại học hệ chính quy năm 2024

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh thông báo về việc tuyển sinh Đại học hệ chính quy năm 2024 theo các phương thức: Tuyển thẳng; Ưu tiên xét tuyển; xét tuyển bằng học bạ Trung học phổ thông (THPT); xét điểm thi THPT 2024 và theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh như sau

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh của tất cả các trường Trung học phổ thông (THPT) trên cả nước.

1. Tuyển thẳng học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024

Diện Xét tuyển	Nội dung xét	Tiêu chuẩn	Chỉ tiêu	
1	Tuyển thẳng thí sinh đạt giải quốc gia.	Học sinh giỏi (Toán; Lý; Hóa; Văn; Anh; Sinh; Tin; Sử; Địa) hoặc Cuộc thi Khoa học kỹ thuật.	Học sinh tốt nghiệp năm 2024 đạt giải nhất, nhì, ba ở các năm 2022, 2023, 2024	Theo quy chế

2. Ưu tiên xét tuyển học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Điểm trung bình học bạ (ĐTBHB) 5 học kỳ của từng môn theo tổ hợp (có 3 môn), mỗi môn từ 5,0 trở lên.

Diện Xét tuyển	Nội dung xét	Tiêu chuẩn	Chỉ tiêu	
1	Ưu tiên xét tuyển học sinh có giải 1, 2, 3 cấp tỉnh; giải khuyến khích HSG cấp quốc gia hoặc giải 4 cuộc thi KHKT cấp quốc gia.	Học sinh giỏi (Toán; Lý; Hóa; Văn; Anh; Sinh; Tin) hoặc Cuộc thi Khoa học kỹ thuật; giải khuyến khích học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc thí sinh đạt giải 4 cuộc thi KHKT cấp quốc gia.	Giải 1, 2, 3 cấp tỉnh, giải khuyến khích, giải tư KHKT quốc gia.	5-10%
2	Ưu tiên xét tuyển Học sinh giỏi trường Chuyên, Tốp 200.	Học sinh giỏi trường chuyên, trường tốp 200.	Có ít nhất từ 3 học kỳ là học sinh giỏi.	10-20%
3	Điểm SAT quốc tế.	Điểm SAT quốc tế.	Điểm SAT \geq 800.	1-2%
4	Ưu tiên xét tuyển học sinh do Ban giám hiệu trường liên kết giới thiệu.	Chỉ tiêu phân bổ theo từng trường - có thông báo, hướng dẫn riêng.	Ban giám hiệu trường liên kết chọn.	5-10%

3. Xét tuyển bằng học bạ THPT đối với thí sinh tốt nghiệp THPT trong 3 năm 2022, 2023 và 2024

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Điểm trung bình học bạ (ĐTBHB) 5 học kỳ của từng môn theo tổ hợp (có 3 môn), mỗi môn từ 5,0 trở lên.

Xét tuyển dựa vào tổng điểm học bạ 5 học kỳ (trừ học kỳ 2 lớp 12) của 3 môn theo tổ hợp. Điểm xét tuyển (ĐXT) riêng theo 3 nhóm: Trường THPT chuyên; Trường THPT top 200; Trường THPT còn lại. ĐXT là tổng điểm của 3 môn theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển (không nhân hệ số) cộng điểm ưu tiên (không nhân hệ số). Xét tuyển từ cao đến thấp.

$$\text{ĐXT}_1 = \sum \text{ĐTBHB 5 học kỳ của 3 môn} + \text{Điểm ưu tiên.}$$

Ví dụ: Cách tính điểm ĐTBHB môn Toán với ĐTB từng học kỳ môn toán như sau

HK1 lớp 10	HK2 lớp 10	HK1 lớp 11	HK2 lớp 11	HK1 lớp 12	ĐTBHB 5 học kỳ (Trung bình cộng)
7,0	5,0	8,0	7,0	9,0	7,20

Riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh: môn tiếng Anh nhân hệ số 2; ngành Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa, Kiến trúc, Kiến trúc nội thất: môn Vẽ nhân hệ số 2 (đối với tổ hợp dùng 2 môn Vẽ, chi tiết môn Vẽ nhân 2 được in đậm trong phụ lục 1 đính kèm). Điểm ưu tiên không nhân hệ số.

$\text{ĐXT}_2 = (\text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm học bạ tiếng Anh hoặc Điểm Vẽ} \times 2) \times \frac{3}{4} + \text{Điểm ưu tiên.}$

Ví dụ: Một học sinh Trường THPT bắt kỳ có điểm môn Toán (môn 1) của 5 học kỳ là 7,0; môn Văn (môn 2): 6,0; môn: Tiếng Anh hoặc Năng khiếu (Vẽ) là: 8,0 thì cách tính như sau:

ĐTBHB 5 học kỳ (Môn 1)	ĐTBHB 5 học kỳ (Môn 2)	Điểm môn tiếng Anh hoặc Năng khiếu	Điểm xét tuyển
(1)	(2)	(3)	$\{(1) + (2) + (3) \times 2\} \times \frac{3}{4}$
7,0	6,0	8,0	21,75

- Nhà trường tổ chức thi riêng các môn năng khiếu, thí sinh đăng ký dự thi (Vẽ Trang trí Màu nước, Vẽ Đầu tượng) tại <http://xettuyen.hcmute.edu.vn>. Thí sinh có thể chọn thi cả 2 môn. Hạn cuối nhận hồ sơ trực tuyến và phí dự thi 300.000đ/môn: 27/5/2024. Thí sinh xem phòng thi, số báo danh từ ngày 04/6/2024 trên webiste: <http://xettuyen.hcmute.edu.vn>. Thời gian thi vào ngày 10-11/6/2024. Điểm thi môn năng khiếu sẽ được tự động cập nhật trên hệ thống khi có kết quả.

- Công nhận điểm thi môn Năng khiếu (thi năm 2024) của các trường: ĐH Kiến trúc TP. HCM, ĐH Mỹ thuật TP. HCM. Thí sinh bắt buộc phải nộp phiếu điểm thi các môn Năng khiếu trước ngày 14/6/2024 (hình thức nộp: trực tuyến trên trang xettuyen.hcmute.edu.vn).

Ghi chú: Không giới hạn năm tốt nghiệp THPT đối với các thí sinh xét tuyển chương trình liên kết đào tạo quốc tế. Xem chi tiết thông báo tuyển sinh hệ liên kết đào tạo quốc tế tại <https://fie.hcmute.edu.vn> hoặc <http://tuyensinh.hcmute.edu.vn>.

4. Thời gian nộp hồ sơ tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, xét học bạ THPT

- Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển online hoàn toàn. Thí sinh chỉ cần thao tác và tải bản chụp Học bạ THPT của 5 học kỳ; Giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ anh văn (nếu có); Hồ sơ minh

chứng cho các diện xét tuyển – nếu có (Giấy chứng nhận kết quả HSG Quốc gia, HSG, cấp tỉnh/thành, giấy chứng nhận các giải thưởng,...): Giấy chứng nhận diện ưu tiên theo Khoản 2, Điều 7 Thông tư Số: 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 Về việc Ban hành quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non (nếu có) lên hệ thống xét tuyển của trường, không phải in ra và không phải nộp hồ sơ xét tuyển qua bưu điện về trường.

- Đăng ký thông tin xét tuyển và nộp hồ sơ tại <http://xettuyen.hcmute.edu.vn> với các ngành ở phụ lục 1, tổ hợp theo phụ lục 3 (có hướng dẫn chi tiết từng bước khi làm hồ sơ) hoặc tại <http://xettuyenqt.hcmute.edu.vn> đối với các ngành liên kết đào tạo Quốc tế ở Phụ lục 2. Thí sinh tự chịu trách nhiệm về những thông tin đã đăng ký, nếu phát hiện gian lận thì kết quả xét tuyển sẽ bị hủy bỏ và bị xử lý theo quy chế và pháp luật hiện hành.

- Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển: từ ngày 01/3/2024 đến hết ngày 15/6/2024. Ngày 30/6/2024: công bố kết quả học sinh đủ điều kiện vào học tại trường (sẽ chính thức khi học sinh được công nhận tốt nghiệp THPT) trên Facebook: Tuyển sinh Đại học Sư Phạm Kỹ thuật Tp HCM và trên trang tuyển sinh: <http://xettuyen.hcmute.edu.vn>

- Mỗi thí sinh được đăng ký nhiều diện nếu thỏa điều kiện, mỗi diện xét tối đa 20 nguyện vọng (các nguyện vọng được xét theo thứ tự ưu tiên, nguyện vọng 1 là ưu tiên cao nhất), mỗi mã ngành chỉ đăng ký một tổ hợp có điểm cao nhất.

- Phí xét tuyển: 15.000đ/1 nguyện vọng, 100% nộp qua tài khoản theo thông tin sau:

+ Tên đơn vị thụ hưởng: **Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh;**

+ Số tài khoản: **3144123270**

+ Ngân hàng **TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)**, chi nhánh **Đông Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh;**

+ Nội dung chuyển khoản (theo cú pháp): [Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân của thí sinh] [Họ tên và của thí sinh] [Nộp lệ phí xét tuyển nguyện vọng]
(Ví dụ: 311239612 NGUYỄN VĂN A Nộp lệ phí xét tuyển nguyện vọng).

- Hồ sơ được xét khi nhà trường nhận đủ tiền lệ phí xét tuyển các nguyện vọng; không hoàn trả lệ phí xét tuyển sau khi thí sinh đã nộp lệ phí xét tuyển và được xác nhận.

Ghi chú: Thí sinh đăng ký xét tuyển chương trình liên kết đào tạo quốc tế đóng phí qua tài khoản dành cho hệ liên kết đào tạo quốc tế theo thông báo chi tiết tại <https://fie.hcmute.edu.vn> hoặc <http://tuyensinh.hcmute.edu.vn>.

5. Xét bằng Điểm thi Đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Phương thức Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực đợt 1 và đợt 2 năm 2024 của ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh trên công thông tin của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh. Thí sinh đăng ký vào Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh (mã trường SPK) cùng lúc làm hồ sơ dự thi đánh giá năng lực.

6. Xét bằng Điểm thi tốt nghiệp THPT 2024

Phương thức Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Trung học phổ thông năm 2024 vẫn tiến hành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh (mã trường SPK) lên hệ thống theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT.

7. Quy đổi điểm tiếng Anh

Thí sinh có chứng chỉ IELTS và tương đương từ 4.5 trở lên có thể sử dụng để quy đổi điểm tiếng Anh để xét tuyển các tổ hợp có môn tiếng Anh thông qua hệ thống quy đổi của Nhà

trường (áp dụng cho: ưu tiên xét tuyển, xét tuyển bằng học bạ THPT, điểm thi tốt nghiệp THPT 2024).

IELTS	4.5	5.0	5.5	6.0	6.5	≥ 7.0
Điểm tiếng Anh quy đổi cho các ngành	7,5	8,0	8,5	9,0	9,5	10

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ tiếng Anh tương đương ở phụ lục 4.

8. Một số lưu ý

- Điểm ưu tiên theo đối tượng: dựa vào đối tượng thí sinh khai trên hệ thống; Điểm ưu tiên khu vực: nhà trường sử dụng bằng mã khu vực do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Danh sách trường chuyên, trường top 200, trường liên kết xem trên website: <http://tuyensinh.hcmute.edu.vn>

9. Chính sách khuyến khích tài năng

- Cấp học bổng khuyến tài cho thí sinh trúng tuyển có tổng điểm thi THPT 2024 (không tính điểm ưu tiên, điểm thưởng) của 3 môn xét tuyển từ 26 điểm trở lên, cứ mỗi điểm thưởng 1.000.000đ. Mỗi ngành chọn 1 thí sinh có điểm cao nhất.

- Cấp học bổng học kỳ đầu tiên có giá trị bằng: 50% học phí cho nữ học 6 ngành kỹ thuật (*). Các học kỳ tiếp theo thì căn cứ vào kết quả học tập của học kỳ trước đó để cấp học bổng.

- Cấp học bổng học kỳ đầu tiên có giá trị bằng: 20% học phí cho thí sinh đã có anh, chị em ruột đang học hoặc đã học tại Trường. Các học kỳ tiếp theo thì căn cứ vào kết quả học tập của học kỳ trước đó để cấp học bổng.

- Năm 2024 Trường dành 50 tỷ đồng để cấp học bổng tuyển sinh, khuyến khích học tập, hỗ trợ sinh viên khó khăn và các loại học bổng khác cho sinh viên.

10. Liên hệ và tiếp nhận thông tin tuyển sinh

Phòng Tuyển sinh và công tác sinh viên - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, Số 01 Võ Văn Ngân, P. Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. Điện thoại: 028.3722.5724; 028.3722.2764; Facebook: Tuyển sinh Đại học Sư Phạm Kỹ thuật Tp HCM; Email: tuyensinh@hcmute.edu.vn; Thông tin chi tiết xem tại website: <http://tuyensinh.hcmute.edu.vn>

Thí sinh đăng ký xét tuyển chương trình liên kết đào tạo quốc tế xem thông báo tuyển sinh tại <https://fie.hcmute.edu.vn> hoặc <http://tuyensinh.hcmute.edu.vn>. Điện thoại/Zalo: 0902 628 508, 0982 612 805, Email: fiect@hcmute.edu.vn, Fanpage: Khoa Đào tạo Quốc tế ĐH Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM (<https://www.facebook.com/DaoTaoQuocTeSPKT>).

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐTS 2024;
- Các Cơ quan truyền thông, các Sở GDĐT;
- Các trường THPT;
- Đăng Website; Fanpage;
- Lưu: VT, TS&CTSV (3.000b).


PGS. TS Lê Hiếu Giang

PHỤ LỤC 1
CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO NĂM 2024 CỦA TRƯỜNG ĐH SPKT TP. HCM
(Kèm theo Thông báo số: 100/TB-DHSPKT, ngày 12.01.2024 của Trường ĐH SPKT TP. HCM)

TT	Tên ngành đào tạo <small>Cấp học bằng học kỳ 1 năm học đầu tiên bằng 50% học phí cho nữ học ngành kỹ thuật (*)</small>	Chương trình Đào tạo bằng tiếng Việt	Chương trình Đào tạo bằng tiếng Anh	Chương trình Việt - Nhật	Tổ hợp môn xét tuyển (in đậm là môn chính nhân hệ số 2)
		Mã ngành	Mã ngành	Mã ngành	
1	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	7510301V	7510301A		Toán, Lý, Hóa. Toán, Lý, Anh. Toán, Văn, Anh Toán, Anh, Khoa học tự nhiên (KHTN)
2	Công nghệ Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302V	7510302A	7510302N	
3	Công nghệ Kỹ thuật máy tính	7480108V	7480108A		
4	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303V	7510303A		
5	Kỹ thuật y sinh (Điện tử y sinh)	7520212V			
6	Hệ thống nhúng và IoT	7480118V			
7	Kỹ thuật Thiết kế vi mạch (Ngành mới TS 2024)	7520208V			
8	Robot và trí tuệ nhân tạo	7510209V			
9	Công nghệ chế tạo máy *	7510202V	7510202A	7510202N	
10	Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử *	7510203V	7510203A		
11	Công nghệ Kỹ thuật cơ khí *	7510201V	7510201A		
12	Kỹ thuật công nghiệp	7520117V			
13	Kỹ nghệ gỗ và nội thất	7549002V			
14	Công nghệ Kỹ thuật công trình xây dựng*	7510102V	7510102A		
15	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông *	7580205V			
16	Quản lý xây dựng	7580302V			
17	Hệ thống kỹ thuật công trình xây dựng	7510106V			
18	Quản lý và vận hành hạ tầng	7840110V			
19	Công nghệ Kỹ thuật ô tô *	7510205V	7510205A	7510205N	
20	Công nghệ Kỹ thuật nhiệt	7510206V	7510206A	7510206N	
21	Năng lượng tái tạo	7510208V			
22	Công nghệ thông tin	7480201V	7480201A	7480201N	
23	An toàn thông tin	7480202V			
24	Kỹ thuật dữ liệu	7480203V			
25	Quản lý công nghiệp	7510601V	7510601A		
26	Kế toán	7340301V			
27	Thương mại điện tử	7340122V			
28	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605V			
29	Kinh doanh Quốc tế	7340120V			
30	Công nghệ may	7540209V			
31	Công nghệ Kỹ thuật in	7510801V			
32	Sư phạm công nghệ	7140246V			
33	Tâm lý học giáo dục (Ngành mới TS 2024)	7310403V	(Toán, Văn, Anh); (Văn, Sư, Địa); (Văn, Địa, GDGD); (Văn, Sư, Anh)		
34	Luật	7380101V	(Toán, Lý, Hóa); (Toán, Lý, Anh); (Văn, Sư, Địa); (Văn, Toán, Anh)		
35	Thiết kế đồ họa	7210403V	(Văn, Vẽ DT, Vẽ TT); (Toán, Văn, Vẽ TT); (Toán, Anh, Vẽ TT); (Văn, Anh, Vẽ TT)		
36	Kiến trúc	7580101V	(Toán, Văn, Vẽ DT); (Toán, Lý, Vẽ DT); (Toán, Anh, Vẽ DT); (Văn, Anh, Vẽ DT)		
37	Kiến trúc nội thất	7580103V			
38	Công nghệ vật liệu	7510402V	(Toán, Lý, Hóa); (Toán, Lý, Anh); (Toán, Hóa, Anh); (Toán, Anh, KHTN)		
39	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	7510406V		(Toán, Lý, Hóa); (Toán, Hóa, Sinh)	
40	Công nghệ thực phẩm	7540101V	7540101A	(Toán, Hóa, Anh); (Toán, Anh, KHTN)	
41	Công nghệ Kỹ thuật hóa học	7510401V			
42	Quản trị NI và DV ăn uống	7810202V	(Toán, Lý, Hóa); (Toán, Văn, Anh); (Toán, Lý, Anh); (Toán, Hóa, Anh)		
43	Thiết kế thời trang	7210404V	(Toán, Anh, Vẽ TT); (Toán, Văn, Vẽ TT); (Toán, Vẽ DT, Vẽ TT); (Văn, Vẽ DT, Vẽ TT)		
44	Sư phạm tiếng Anh	7140231V			
45	Ngôn ngữ Anh	7220201V		(Toán, Văn, Anh); (Toán, Anh, KHXH)	

PHỤ LỤC 2
CÁC NGÀNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ NĂM 2024 CỦA TRƯỜNG ĐH SPKT TP. HCM
(Kèm theo Thông báo số: 100/TB-DHSPKT, ngày 12/01/2024 của Trường ĐH SPKT TP. HCM)

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh sau đây được viết tắt là SPKT

TT	Tên ngành đào tạo	Mã ngành	Lộ trình và Chỉ tiêu tuyển sinh	Cấp bằng	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Kỹ thuật Điện – Điện tử	7520202QS	<ul style="list-style-type: none"> - 3 năm đầu học tại SPKT (Năm nhất học Tiếng Anh, được miễn học năm nhất nếu có IELTS 6.0 trở lên). - 1 năm cuối học tại ĐH Northampton hoặc học tại SPKT - Chỉ tiêu: 100. 	Đại học Sunderland, (Anh Quốc).	Toán, Lý, Hóa (A00) Toán, Lý, Anh (A01) Toán, Văn, Anh (D01) Toán, Anh, Khoa học tự nhiên (D90)
2	Quản trị Kinh doanh	7340101QS			
3	Kế toán và Quản trị Tài chính	7340303QS			
4	Logistics và Tài chính Thương mại	7510606QN	<ul style="list-style-type: none"> - 3 năm đầu học tại SPKT (Năm nhất học Tiếng Anh, được miễn học năm nhất nếu có IELTS 6.0 trở lên). - 1 năm cuối học tại ĐH Northampton hoặc học tại SPKT - Chỉ tiêu: 100. 	Đại học Northampton, (Anh Quốc).	
5	Kế toán Quốc tế	7340301QN			
6	Quản trị Kinh doanh	7340101QN			
7	Công nghệ Kỹ thuật Cơ Điện tử	7510203QT	<ul style="list-style-type: none"> - 2 năm đầu học tại SPKT - 2 năm sau học tại ĐH Tongmyong - Chỉ tiêu: 50. 	Đại học Tongmyong, (Hàn Quốc).	
8	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	7510201QT			
9	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	7510205QT			
10	Công nghệ Thông tin	7480201QT			
11	Quản trị Kinh doanh	7340101QK	<ul style="list-style-type: none"> - 2 năm đầu học tại SPKT - 2 năm sau học tại ĐH Kettering - Chỉ tiêu: 50. 	Đại học Kettering, (Mỹ).	
12	Công nghệ Kỹ thuật Điện – Điện tử	7510301QK			
13	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	7510201QK			
14	Công nghệ Kỹ thuật Máy tính	7480108QK			
15	Công nghệ Kỹ thuật Chế tạo máy và Công nghiệp	7510202QK			
16	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	7510103QA	<ul style="list-style-type: none"> - 2 năm đầu học tại SPKT - 2 năm sau học tại ĐH Adelaide - Chỉ tiêu: 50. 	Đại học Adelaide (Úc).	
17	Công nghệ Thông tin	7480201QA			
18	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	7510201QG	<ul style="list-style-type: none"> - 2 năm đầu học tại SPKT. - 2 năm sau học tại ĐH Griffith. - Chỉ tiêu: 50. 	Đại học Griffith (Úc).	
19	Công nghệ Chế tạo máy	7510202QG			
20	Công nghệ Kỹ thuật Cơ Điện tử	7510203QG			
21	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	7510302QG			
22	Quản trị Kinh doanh	7340101QE	<ul style="list-style-type: none"> - 2 năm đầu học tại SPKT. - 2 năm sau học tại ĐH ESSCA - Chỉ tiêu: 50. 	Đại học ESSCA (Pháp)	
23	Công nghệ Kỹ thuật Điện – Điện tử	7510301QC	<ul style="list-style-type: none"> - 3 năm đầu học tại SPKT. - 1 năm sau (năm 4) học tại ĐH Chang Gung nhận bằng Đại học và - 1 năm sau (năm 5) học tại ĐH Chang Gung nhận bằng Thạc sĩ. - Chỉ tiêu: 100. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng Đại học: SPKT cấp - Bằng Thạc sĩ: Đại học Chang Gung, (Đài Loan) cấp 	
24	Khoa học Máy tính và Kỹ thuật Thông tin	7480109QC			
25	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	7510201QC			

PHỤ LỤC 3
BẢNG MÔN THI CỦA CÁC TỔ HỢP
(Kèm theo Thông báo số: 100/TB-ĐHSPKT, ngày 12/01/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM)

Tổ hợp	Môn 1	Môn 2	Môn 3
A00	Toán	Vật lý	Hóa học
A01	Toán	Vật lý	Tiếng Anh
B00	Toán	Hóa học	Sinh học
C00	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý
C20	Ngữ văn	Địa lý	Giáo dục công dân
D01	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
D07	Toán	Hóa học	Tiếng Anh
D14	Ngữ văn	Lịch sử	Tiếng Anh
D15	Ngữ văn	Địa lý	Tiếng Anh
D90	Toán	Tiếng Anh	Khoa học tự nhiên
D96	Toán	Tiếng Anh	Khoa học xã hội
V01	Toán	Ngữ văn	Vẽ trang trí
V02	Toán	Tiếng Anh	Vẽ trang trí
V03	Toán	Ngữ văn	Vẽ đầu tượng
V04	Toán	Vật lý	Vẽ đầu tượng
V05	Toán	Tiếng Anh	Vẽ đầu tượng
V06	Ngữ văn	Tiếng Anh	Vẽ đầu tượng
V07	Ngữ văn	Vẽ đầu tượng	Vẽ trang trí
V08	Ngữ văn	Tiếng Anh	Vẽ trang trí
V09	Toán	Vẽ đầu tượng	Vẽ trang trí



PHỤ LỤC 4

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ tiếng Anh tương đương
(Kèm theo Thông báo số: 100/TB-ĐHSPKT, ngày 12/01/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM)

Chứng chỉ/Văn bằng	Thang điểm	Điểm IELTS	Điểm quy đổi
TOEFL iBT	35 - 39	4.5	7,5
	40 - 45	5.0	8,0
	46 - 61	5.5	8,5
	62 - 77	6.0	9,0
	78 - 93	6.5	9,5
	94 trở đi	7.0	10
TOEFL ITP	466 - 482	4.5	7,5
	483 - 499	5.0	8,0
	500 trở đi	5.5	8,5
VSTEP	B1	4.5	7,5
	B2	6.0	9,0

Ghi chú: theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

